

骨盆腔發炎衛教指導-越南語

HƯỚNG DẪN GIÁO DỤC SỨC KHỎE VIÊM VÙNG CHẬU

一、何謂骨盆腔發炎 Thế nào gọi là viêm vùng chậu ?

細菌經由血循環、淋巴管、陰道等途徑侵入人體，引起子宮腔、輸卵管、卵巢周圍組織發炎形成下腹痛、生殖器粘黏或不孕。

Vi khuẩn từ các con đường như tuần hoàn máu, mạch bạch huyết, đường âm đạo.... để xâm nhập vào cơ thể con người, dẫn đến vùng tử cung, ống dẫn trứng, khu vực tổ chức quanh buồng trứng bị viêm gây ra đau bụng, bộ phận sinh dục bị dính hoặc không thể mang thai

二、骨盆腔發炎可能的原因 Nguyên nhân có thể gây ra viêm vùng chậu ?

骨盆腔發炎的產生，通常是淋病細菌或披衣菌感染引起，也有可能透過性行為、流產、生產或子宮切除手術後，把其它細菌帶入生殖器官而造成。

Gây ra viêm vùng chậu thông thường là do vi khuẩn vùng chậu hoặc nhiễm nấm Chlamydia gây ra cũng có thể do sinh hoạt tình dục, sảy thai, sinh con hoặc sau phẫu thuật cắt bỏ tử cung, đưa những vi khuẩn đó vào bộ phận sinh dục .

三、骨盆腔發炎可能的症狀？ Các triệu chứng có thể của bệnh viêm vùng chậu

- 1.輕微或嚴重的下腹部疼痛，有時還會背痛。Đau bụng nhẹ hoặc nặng, có lúc sẽ thấy đau lưng
- 2.性交時疼痛。 Thấy đau khi sinh hoạt tình dục
- 3.發燒，有時會寒顫。Sốt, có lúc sẽ thấy ớn lạnh
- 4.沒有月經或月經不規則，或是經血量很多。Không có kinh nguyệt hoặc không đều hoặc kinh nguyệt ra rất nhiều
- 5.陰道分泌物增多，且有異味;不正常陰道出血。Dịch nhầy âm đạo nhiều, có mùi, xuất hiện máu âm đạo bất thường
- 6.頻尿且解尿時有燒灼疼痛的感覺。Tiểu nhiều khi tiểu có cảm giác buốt sốt
- 7.腹脹、噁心、嘔吐。 Trướng bụng, buồn nôn, nôn
- 8.若為慢性骨盆腔發炎易造成不孕。

Nếu là viêm vùng chậu mãn tính sẽ không thể mang thai

四、一般醫療處置： Điều trị thông thường

- 1.抗生素治療。 Bằng kháng sinh
- 2.手術的方式及時機則視醫師處理原則和病人情況而異。

Bằng phẫu thuật và thời gian tiến hành cần xem quyết định của bác sỹ và tình hình của

bệnh nhân

3.依醫師指示止痛劑使用可幫助緩解疼痛。

Theo chỉ thị của bác sỹ sử dụng thuốc giảm đau

4.臥床休息，半坐臥姿可藉著重力原理將陰道內的分泌物引流出來。

Nằm nghỉ ngơi, tư thế nửa nằm nửa ngồi theo nguyên lý trọng lực sẽ giúp đẩy chất dịch trong đường âm đạo ra ngoài.

5.假如症狀更加嚴重，務必返院做進一步評估及檢查。

Nếu bệnh ngày càng trầm trọng, phải đi viện để khám và xét nghiệm

五、骨盆腔發炎預防方法：CÁCH PHÒNG TRÁNH BỆNH VIÊM VÙNG CHẬU

1.安全的性行為及單一的性伴侶。Sinh hoạt tình dục an toàn, trung thủy

2.上廁所後，清潔擦拭需由前往後。Sau khi đi vệ sinh, cần lau từ trước ra sau

3.內衣褲要洗乾淨、曬乾，避免和其他衣物雜洗。Đồ lót phải giặt sạch sẽ, phơi kho tránh giặt cùng các quần áo khác

4.避免陰道灌洗;感染期間勿使用盆浴洗澡。

Tránh thụt rửa âm đạo; trong thời gian mắc bệnh không tắm bồn

5.月經來潮時，避免性行為。

Khi có kinh nguyệt kiêng sinh hoạt tình dục

6.在月經期外，儘量不要使用衛生護墊或衛生棉條。

Những ngày còn lại, cố gắng không nên sử dụng băng vệ sinh hoặc tampon

7.性行為使用保險套可減少發炎的機率。

Sinh hoạt tình dục dùng sử dụng bao cao su có thể giúp làm giảm nguy cơ mắc bệnh

8.避孕器使用需定期更換;若反覆感染者，避孕方式勿採用子宮內避孕器。

Vòng tránh thai cần được thay định kỳ, nếu người bị viêm nhiễm tái đi tái lại không nên áp dụng biện pháp tránh thai đặt trong tử cung

9.均衡飲食營養，增強自身免疫力。

Ăn uống cân bằng đủ dinh dưỡng, tăng cường sức đề kháng cơ thể

參考資料

馮容芬等(2016) · 劉雪娥總校閱 · 成人內外科護理下(七版) · 台北市：華杏。

黃靖雲(無日期) · 婦女常見感染疾病~骨盆腔發炎 · 2014年05月27日取自


<https://www.ntuh.gov.tw/FM/DocLib4/%E5%90%84%E6%9C%9F%E8%A1%9B%E6%95%99>

%E6%96%87%E7%AB%A0%E5%BD%99%E6%95%B4/29-3%E5%A9%A6%E5%A5%B3%E5%B8%B8%E8
%A6%8B%E6%84%9F%E6%9F%93%E7%96%BE%E7%97%85(PDF%E6%AA%94). pdf

若您想對以上的內容進一步了解，請洽諮詢電話：05-2756000 轉 75 病房分機 7501、7502

Nếu bạn muốn biết thêm về các nội dung trên, xin vui lòng liên hệ số: 05-2756000

số máy lẻ 75 phòng bệnh ext 7501、7502,

 天主教中華聖母修女會醫療財團法人天主教聖馬爾定醫院 關心您

2018年03月修訂